

UBND TỈNH GIA LAI
UBND XÃ TUY PHƯỚC

DỰ TOÁN CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025
ĐƠN VỊ: PHÒNG VĂN HOÁ
Mã ĐVQHNS: 1144990

(Kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Tuy Phước)

ĐVT: trã

S TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
I	Nguồn tự chủ (13)				1.694,316
	1. Chi tiền lương, phụ cấp theo lương				1.138,845
	Tổng số biên chế (trong đó 5 CBKCT)	18,00			
	Tổng hệ số lương và phụ cấp	71,18			
	Mức lương cơ bản	2,34			
	Tổng tiền lương và phụ cấp		6,00	166,56	999,367
	Tổng các khoản trích theo lương		6,00	23,25	139,478
	2. Chi hoạt động:				155,295
	Mức chi CBCC cấp tỉnh cũ (36)		0,00	16,20	0,000
	Mức chi CBCC cấp huyện cũ (26,3)		5,00	11,84	59,175
	Mức chi CBCC cấp xã cũ (19,5)		8,00	8,78	70,200
	Mức chi CBKCT cũ (11,52)		5,00	5,18	25,920
	3. Chi Trung tâm văn hoá				400,177
	Chi tiền lương, phụ cấp (6 biên chế)		6,00	46,78	280,660
	Các khoản trích theo lương		6,00	10,06	60,342
	Chi hoạt động trung tâm văn hoá		5,00	11,84	59,175
I	Nguồn không tự chủ (12)				15.186,000
	1. Các khoản chi khác (từ nguồn BS mục tiêu):				13.919,000
	Chi bảo trợ xã hội theo NĐ76/2024				13.303,000
	Chi bảo trợ xã hội theo NĐ11/2024				616,000
	2. Chi từ nguồn cân đối của xã:				450,000
	Chi ra mắt thư viện hy vọng				100,000
	Chi tuyên truyền ngày 2/9				100,000
	Các khoản chi khác				150,000
	Chi kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ				100,000
	3. Chi các sự nghiệp				817,000
	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				270,000
	Chi sự nghiệp y tế				49,000
	Chi sự nghiệp đài truyền thanh				183,000
	Chi trung tâm học tập cộng đồng				116,000
	Chi các chính sách xã hội khác				199,000
III	Nguồn chi tiền thưởng (18)				189,821
	Tổng hệ số lương chính x mức lương cơ bản x 12 tháng x 10%				134,531
	Chi tiền thưởng CBTTVH				55,290
	Tổng cộng				17.070,137